

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/12/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm- Ông Phạm Đức Tuế

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tồn- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, nơi thường trú: Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở: Xóm N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Lê H, sinh năm 1983, nơi thường trú: Xóm H, xã T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị với anh H được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 15/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình chị tại xã H, huyện Đ, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc sau đó vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do lối sống mỗi người mỗi khác từ những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống dẫn đến tình cảm cuộc sống vợ chồng nhạt dần, sau khi sinh con thứ hai được một tháng (khoảng tháng 4 năm 2018) anh H chuyển ra ngoài ở, không sinh sống cùng chị và 02 con. Đến cuối năm 2019, vợ chồng có hàn gắn tình cảm, sau đó vợ chồng mua nhà ở tại xóm T, xã H, huyện Đ và sinh sống ở đó khoảng một năm, sau đó bố anh H ốm nên anh H chuyển về nhà mẹ đẻ nay là xã T, huyện Đ sinh sống. Đến khoảng tháng 10 năm 2024, chị phát hiện anh H có người phụ nữ khác đồng thời trước đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn cứ lặp đi lặp lại rất nhiều lần do đó

mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên vợ chồng sống ly thân từ đó, cho đến ngày 05/9/2025 anh H về nhà gây sự cãi vã, sau đó đuổi chị và các con ra khỏi nhà, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Ngân K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Lê Nam K1, sinh ngày 16/3/2018, hiện cả 02 con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung vì anh H không chăm sóc, không dạy bảo gì đối với con chung, mọi chi phí sinh hoạt và học tập của các con đều do chị, đến tháng 10/2024 anh H mới thỉnh thoảng đưa tiền cho chị tuy nhiên có tháng đưa có tháng không đưa, do đó chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết anh Nguyễn Lê H trình bày: Anh xác nhận thời gian đăng ký kết hôn, quá trình kết hôn như chị T trình bày, anh xác định sau khi kết hôn để thuận lợi cho công việc của vợ nên anh đã cùng vợ sinh sống tại gia đình nhà chị T ở xã H, huyện Đ. Trong quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ngày 18/5/2018 anh về nhà bố mẹ để sinh sống cho đến khi chị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Định Hóa giải quyết ly hôn, sau đó được Tòa án hòa giải nên tháng 6 năm 2019 vợ chồng đã thống nhất cùng đoàn tụ nuôi dạy con. Đến cuối năm 2019 sau khi xây nhà thì vợ chồng đã về cùng chung sống, tuy nhiên khoảng được hơn một năm thì do bố ốm nên anh đã về Đ Hóa sinh sống, chăm sóc cho bố, từ đó chỉ thỉnh thoảng đi lại thăm vợ và các con. Anh xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân từ cả hai, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không ai quan tâm đến ai. Đến tối ngày 04/9/2025 khi anh về nhà có gặp một người đàn ông ở trong nhà nên vợ chồng mâu thuẫn nhiều hơn, không còn tình cảm do đó anh nhất trí giải quyết ly hôn.

Về con chung: anh nhất trí trình bày của chị T về vợ chồng có 02 con chung, khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con thứ hai Nguyễn Lê Nam K1 sinh ngày 16/3/2018 và giao cháu Nguyễn Ngân K 14/9/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay, anh là giáo viên tin học tại Trường THPT T1 có thu nhập ổn định hơn 15 triệu đồng/tháng, với thời lượng giảng dạy khoảng 3 buổi sáng/tuần nên có điều kiện để nuôi con, cháu Nam K1 là con trai nên để đảm bảo về giới cũng như để giảm bớt gánh nặng cho chị T trong việc nuôi con nên giao con trai cho bố và giao con gái cho mẹ nuôi dưỡng, do mỗi người nuôi một con nên không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh nhất trí trình bày của chị T, vợ chồng không có tài sản chung, không cho vay và vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Ngân K, sinh ngày 14/9/2015 và cháu Nguyễn Lê Nam K1 sinh ngày 16/3/2018 trình bày: các cháu là con của bố Nguyễn Lê H và mẹ Nguyễn

Thị T, hiện nay các cháu ở cùng mẹ, trong quá trình sinh sống mẹ là người quan tâm, chăm sóc cho các cháu nhiều hơn, các cháu đề nghị bố mẹ cùng đoàn tụ, trong trường hợp bố mẹ vẫn nhất quyết ly hôn thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ do mẹ quan tâm chăm sóc dạy dỗ các cháu, cháu N xác định bố đi suốt, không ở nhà nên không quan tâm, chăm sóc dạy dỗ cháu ngày nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật dân sự

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Lê H; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngân K cho chị T và giao con chung Nguyễn Lê Nam K1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung: Không giải quyết; nợ chung: Không có; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Lê H, sinh năm 1983 có nơi thường trú: Xóm H, xã T, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án do các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Lê H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật

thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự thấy: giữa chị T và anh H trong quá trình chung sống đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm đến nhau, mặc dù năm 2019 đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ về cùng chung sống tuy nhiên tình cảm vợ chồng không được cải thiện, giữa vợ chồng không có sự thương yêu quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, đến nay chị T và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 02 (hai) con chung đều chưa đủ 18 tuổi, chị T có nguyện vọng nuôi 02 con chung, anh H đề nghị được nuôi con thứ hai là Nguyễn Lê Nam K1 sinh ngày 16/3/2018. Các đương sự đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung điều đó xuất phát từ tình cảm yêu thương con của cả hai, tuy nhiên việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, sao cho đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho sự phát triển của trẻ nhỏ.

[3.1] Xét điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thấy: Chị T hiện tại đang kinh doanh cửa hàng quần áo, giày dép, kinh doanh hoa quả và cho thuê nhà với mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 20.000.000đ/01 tháng; anh H có thu nhập từ lương là 15.000.000đ/01 tháng; chị T và anh H đều có nhà, chỗ ở ổn định. Do đó, cả chị T và anh H đều có thu nhập và chỗ ở đảm bảo để nuôi con chung.

[3.2] Xét về môi trường sinh hoạt, học tập và sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên, gần bó, thân thiết đối với con chung, thấy: Từ nhỏ đến nay các con chung sinh sống, học tập ổn định tại xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, thời gian sống cùng với mẹ là chủ yếu, thời gian anh H chung sống cùng với các con từ nhỏ đến nay không nhiều, thường xuyên không sinh sống cùng các con; xác minh tại Trường tiểu học S, các cô giáo chủ nhiệm hàng năm của các con đều xác định trong quá trình hai cháu Ngân K, N học tập tại trường chỉ có chị T là người liên lạc với cô giáo chủ nhiệm và nhà trường liên quan đến các con như họp phụ huynh, đóng góp các khoản cho các con; xác minh tại xóm T, xã Đ xác định trong các năm 2023, 2024 anh H không thường xuyên sinh sống tại xóm, chỉ thi thoảng mới về, tại nhà ở chỉ có chị T và 2 con sống. Qua đó xác định các con chung đã sinh sống, học tập ổn định tại xã Đ, tỉnh Thái Nguyên cùng với mẹ, từ nhỏ các con chung có sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên, gần bó, thân thiết của chị T nhiều hơn; bên cạnh đó sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên, gần bó, thân thiết đối với con chung của anh H không nhiều.

[3.3] Xét nguyện vọng của con: Cả hai con chung là Nguyễn Ngân K và Nguyễn Lê Nam K1 hiện đều trên 07 tuổi, các cháu đều có nguyện vọng sống với

mẹ khi bố mẹ ly hôn vì từ nhỏ mẹ là người gần gũi và chăm sóc các cháu nhiều hơn, bố đi suốt, không ở nhà, không dạy dỗ các cháu ngày nào.

Như vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con chung, xét các điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, môi trường sinh hoạt, học tập và sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên, gần bó, thân thiết đối với con chung và nguyện vọng của con chung, tính nhân văn không nên tách hai con chung mỗi người một nơi. HĐXX thấy cần thiết giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đảm bảo được sự ổn định về cuộc sống, sinh hoạt, học tập, không ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của con chung khi bố mẹ ly hôn.

[3.4] Anh H có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không nhất trí.

[4.1] Theo quy định khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Theo Nghị định 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng thì anh Nguyễn Lê H, có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Thái Nguyên (thuộc vùng IV), mức lương tối thiểu của vùng IV theo tháng là 3.450.000 đồng, như vậy mức cấp dưỡng cho con do Tòa án quyết định sẽ không thấp hơn 1.725.000 đồng/01 tháng/ 01 con.

[4.2] Tại phiên tòa chị T đề nghị cấp dưỡng theo quy định pháp luật với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/con, do đó Hội đồng xét xử tôn trọng sự tự nguyện của chị T, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện vụ án dân sự khác.

[6.] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Lê H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên đối với người nuôi con như phân tích ở trên là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ, quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Lê H.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Ngân K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Lê Nam K1, sinh ngày 16/3/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Lê H có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Lê H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngân K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Lê Nam K1, sinh ngày 16/3/2018 với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng/01 con (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng/01 con) kể từ tháng 12/2025 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng anh Nguyễn Lê H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con qua tài khoản số 3900238105 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B) chủ tài khoản Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001303 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Nguyễn Lê H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Lê H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
(Số 29 quyền số 01/2014 UBND xã Hóa
Trung, huyện Đồng Hỷ cấp ngày 15/9/2014);
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chu Thị Bích Hiền